

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Bản án số: 808/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 18/6/2018.
V/v tranh chấp: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Thanh;
2. Bà Phạm Vũ Diễm Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Ánh, là Thư ký Tòa án nhân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1787/2017/TLST– HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2018/QĐXXST ngày 04 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Bích T, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Số 94/7, đường L, phường H, quận B, Thành phố H.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T1, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 94/7, đường L, phường H, quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T trình bày: Bà với ông T1 quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức hôn lễ, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thị xã Vĩ Thanh, tỉnh Hậu Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 08/8/2005. Quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau giữa vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cự cãi nhau mà nguyên nhân chủ yếu do ông T1 không lo cho gia đình, có quan hệ người phụ nữ khác bên ngoài về gây gổ vợ con và hiện nay vợ chồng cũng đã ly thân với nhau, bà T cho rằng không còn tình cảm với ông T1 nữa, do đó bà yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Thanh V, sinh ngày 31/7/2002 hiện nay đang sống cùng với bà T, ly hôn bà T yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Bà T và ông T1 tự thỏa thuận.

Nợ chung: Bà T trình bày vợ chồng không có.

* Bị đơn Ông Trần Văn T1 không có mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên không có ý kiến gì trong việc giải quyết vụ án.

** Tại phiên tòa:*

- Bà T yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được nuôi 01 con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung; Tài sản chung bà T và ông T1 tự thỏa thuận và nợ chung vợ chồng không có.

- Ông T1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thực hiện đúng theo quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 70, 71, 72, 73, 234 Bộ luật tố tụng dân sự; Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông T1; Giao cho bà T được nuôi 01 con chung, ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] - Nguyên đơn bà T có đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn ông T1. Bị đơn hiện cư trú tại quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] - Bị đơn Ông Trần Văn T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

** Về nội dung vụ án:*

[3] - Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T1 chung sống vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do có nhiều bất đồng quan điểm sống, thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cự cãi nhau mà nguyên nhân chủ yếu do ông T1 không lo cho gia đình, có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài về còn gây gổ vợ con và hiện nay vợ chồng cũng đã ly thân với nhau; Ngoài ra Tòa án đã triệu tập hợp lệ và cũng thông báo cho ông T1 biết yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông, nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do, nên không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Do đó, xét thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của bà T và ông T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Hội đồng xét xử, chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông T1 là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] - Về con chung: Vợ chồng bà T và ông T1 có 01 con chung tên Trần Thị Thanh V, sinh ngày 31/7/2002 hiện nay đang sống cùng với bà T vẫn đảm bảo tốt về đời sống của con chung, ly hôn bà T yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung; Ngoài ra ông T1 không có mặt tại phiên tòa, nên không đưa ra

yêu cầu gì về con chung. Do đó tiếp tục giao con chung tên Trần Thị Thanh V cho bà T được trực tiếp nuôi, ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung, là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] - Về tài sản chung: Bà T và ông T1 tự thỏa thuận.

[6] - Về nợ chung: Không có.

[7] - Về án phí: Bà Võ Thị Bích T phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

[8] *Phát biểu của Kiểm sát viên:* Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông T1 và giao cho bà T được nuôi con chung, ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Việc đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và đúng với quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Bà Võ Thị Bích T được ly hôn với Ông Trần Văn T1;

Giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 08/8/2005 của Ủy ban nhân dân phường V, thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang cấp không còn giá trị.

- Áp dụng Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giao 01 con chung tên Trần Thị Thanh V, sinh ngày 31/7/2002 cho Bà Võ Thị Bích T được trực tiếp nuôi dưỡng, Ông Trần Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Ông T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở quyền này, vì quyền lợi ích của con theo yêu cầu của bà T và ông T1 hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

- Tài sản chung: Bà T và ông T1 tự thỏa thuận.

- Nợ chung: Không có.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Về án phí: Bà Võ Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 043063 ngày 12/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, nên xem như xong.

- Căn cứ Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Bích T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Bình Tân;
- Chi cục THA.DS Q.Bình Tân;
- UBND nơi cấp giấy chứng nhận ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Phạm Việt Hải